

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

1.1. Văn học Việt Nam từ 1975 đã có sự cách tân, phát triển ở nhiều bình diện. Một trong những yếu tố quan trọng làm nên sự đa dạng hóa của đời sống văn học giai đoạn này là sự vận động, đổi mới về mặt thể loại. Ở những giai đoạn trước, từ quan niệm của từng cộng đồng văn học, có thể loại được xem là trụ cột, trung tâm, cũng có thể loại chỉ nằm ở ngoại vi/cận văn học. Từ sau đổi mới, trong sự chuyển đổi tư duy nghệ thuật, “cái nhìn thể loại” cũng có sự thay đổi. Trong sự vận động tự thân của từng thể loại, sự bình đẳng thể loại ngày càng đậm rõ trong quan niệm, trong tâm thế tiếp nhận của cộng đồng văn học. Theo Bakhtin: Trong đời sống văn học, các thể loại luôn được đặt trong quan hệ đồng đẳng về giá trị, song mỗi thể loại là sự thể hiện “một thái độ thẩm mỹ đối với hiện thực, một cách cảm thụ, nhìn nhận, giải minh thế giới và con người”. Hồi ký là một trong những thể loại đặc biệt của diễn trình văn học Việt Nam.

1.2. Từ sau 1975, nhất là sau đổi mới, trong sự tiếp nhận những lý thuyết mới mẻ của văn học toàn cầu, như một xu thế tất yếu, hồi ký cũng mang trong bản thân thể loại nhiều yếu tố hiện đại. Những tác phẩm hồi ký văn học từ sau 1975 không chỉ cung cấp những lượng thông tin phong phú, đa chiều mà còn đáp ứng được những khoái cảm thẩm mỹ trong tâm đón đợi của người đọc hiện đại. Sức hấp dẫn của những thiên hồi ký là ở mỹ cảm nghệ thuật, ở nội dung đa dạng, phong phú; từ hình thức thể hiện mới mẻ, cũng như từ tấm lòng, trách nhiệm đối với cõi người, cõi nghề của nhà văn.

1.3. Về mặt thể loại, hồi ký được xem là một tiểu loại của ký. Tuy vậy, hồi ký vẫn chưa thực sự được quan tâm đúng với vai trò, vị trí của nó; chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện dưới góc độ đặc trưng thể loại.

Từ những lý do trên, chúng tôi chọn nghiên cứu đề tài *Đặc điểm hồi ký văn học Việt Nam từ 1975 đến 2010*, nhằm tìm ra quy luật vận động, những bước phát triển về nội dung và nghệ thuật biểu hiện của thể hồi ký, đồng thời khẳng định những thành tựu và đóng góp của hồi ký đối với sự phát triển của văn học Việt Nam hiện đại.

## **2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **2.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là đặc điểm hồi ký văn học Việt Nam từ 1975 đến 2010.

Những tác phẩm hồi ký văn học được xuất bản ở Việt Nam từ 1975 đến 2010 đều thuộc diện khảo sát của luận án. Tuy nhiên, luận án tập trung hơn vào những hồi ký của các nhà văn, nhà thơ có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn học và tác phẩm của họ có giá trị văn chương, thẩm mỹ cao.

Từ những tiêu chí nêu trên, đối tượng khảo sát của luận án là những tập hồi ký văn học được phân loại như sau:

Hồi ký của thế hệ các nhà thơ/nhà văn đã từng sáng tác trước 1945: *Nhớ lại một thời* (Tố Hữu); *Nửa đêm sự tĩnh* (Lưu Trọng Lư); *Núi Mộng gương Hồ* (Mộng Tuyết); *Hồi ký Anh Thơ* (Anh Thơ); *Cát bụi chân ai, Chiều chiều* (Tô Hoài); *Hồi ký Quách Tấn* (Quách Tấn); *Hồi ký Song Đồi* (Huy Cận).

Hồi ký của thế hệ các nhà thơ/nhà văn sáng tác sau 1945: *Nhớ lại* (Đào Xuân Quý); *Mắt để mà còn* (Hoàng Minh Châu); *Năm tháng nhọc nhằn năm tháng nhớ thương* (Ma Văn Kháng); *Một thời để mất* (Bùi Ngọc Tấn); *Trong mưa núi* (Phan Tứ);...

### **2.2. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi nghiên cứu của luận án là từ đặc trưng thẩm mỹ của thể loại, cụ thể hóa những đặc điểm hồi ký văn học từ 1975 đến 2010 ở một số phương diện: diện mạo hồi ký- các khuynh hướng chính; những đặc điểm cơ bản về nội dung; nhân vật hồi ký và nghệ thuật trần thuật.

## **3. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu**

### **3.1. Cơ sở lý thuyết**

Luận án vận dụng các khái niệm của thi pháp học, tự sự học để phân tích cách tiếp cận và khám phá hiện thực; cái nhìn về con người; cách tổ chức điểm nhìn trần thuật... của hồi ký. Ngoài ra, luận án còn sử dụng lý thuyết về thể loại để khu biệt đặc điểm hồi ký và những thể loại/tiêu loại khác.

### **3.2. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp loại hình
- Phương pháp cấu trúc - hệ thống
- Phương pháp so sánh - đối chiếu
- Phương pháp thống kê - phân loại

### **4. Đóng góp của luận án**

4.1. Từ việc hệ thống hóa lý luận về thể hồi ký, luận án đưa ra những kiến giải có tính thực tiễn nghiên cứu để khái quát một số khái niệm thuộc đặc trưng thể hồi ký văn học.

4.2. Là công trình nghiên cứu hệ thống về thể hồi ký để tái hiện diện mạo và chỉ ra sự vận động, phát triển của bộ phận hồi ký, cụ thể là hồi ký văn học Việt Nam từ năm 1975 đến 2010; trên cơ sở đó, luận án hướng tới những vấn đề lý thuyết và văn học sử như sự vận động của thể loại, sự tương tác văn học, tâm lý sáng tạo và tiếp nhận.

4.3. Khẳng định những cá tính sáng tạo độc đáo trong việc làm mới thể loại. Qua đó, khẳng định vai trò, vị trí và giá trị của hồi ký trong văn học dân tộc nói chung và văn học giai đoạn từ sau 1975 nói riêng.

### **5. Cấu trúc luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, Nội dung chính luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Diện mạo hồi ký trong văn học Việt Nam hiện đại

Chương 3: Cảm quan về hiện thực và các dạng chân dung nhân vật của hồi ký văn học Việt Nam từ 1975 đến 2010

Chương 4: Nghệ thuật trần thuật của hồi ký văn học Việt Nam từ 1975 đến 2010

## Chương 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

#### 1.1. Tình hình nghiên cứu thể hồi ký từ 1975 đến 2010

##### 1.1.1. Những công trình, bài báo nghiên cứu khái quát

Về lý thuyết thể loại, các vấn đề được các nhà nghiên cứu, phê bình quan tâm là tính hư cấu trong hồi ký, mối quan hệ giữa người kể và người ghi hồi ký; sự khác nhau của nhân vật trong hồi ký với nhân vật trong tiểu thuyết;... Các bài viết của Nguyễn Thế Hùng và Lương Ích Cẩn, Phạm Hồng Giang, chú ý nhân vật và vai trò của người kể chuyện trong hồi ký. Vũ Đức Phúc đã đề cập tính hư cấu trong hồi ký. Còn Hà Minh Đức đã phân biệt sự khác nhau của cái tôi trong ký cũng như hồi ký với tiểu thuyết – tự truyện.

Khái quát được diện mạo của hồi ký văn học Việt Nam từ 1975 đến 2010, tiêu biểu là *Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại* của trường Đại học Sư phạm Hà Nội; công trình *Lý luận văn học* do Hà Minh Đức chủ biên.

Nhà văn Nguyễn Ngọc chú ý đến hồi ký văn học, ít nhiều đã cho thấy nguyên nhân của sự phát triển hồi ký sau 1975. Đỗ Hải Ninh đã đi tìm căn nguyên để lý giải hiện tượng thú vị là sự xuất hiện ồ ạt hồi ký trên văn đàn những năm sau 1975. Lý Hoài Thu khẳng định vị trí hồi ký, sự đa dạng về chủ đề, sự đáp ứng nhu cầu nhận thức thực tại của hồi ký thời đổi mới. Bích Thu có cái nhìn tổng quan về sự phát triển của hồi ký văn học sau 1975 nói riêng.

##### 1.1.2. Công trình, bài báo nghiên cứu về từng tác giả, tác phẩm

Số lượng các bài viết về hồi ký Tô Hoài thật phong phú. Văn Thanh đã đưa ra những nhận xét có tính gợi mở về nghệ thuật viết hồi ký của Tô Hoài. Nghiên cứu, khảo luận về *Cát bụi chân ai* và *Chiều chiều* của Tô Hoài, đã có nhiều bài viết có những đánh giá sâu sắc về những đặc sắc của nội dung và nghệ thuật hai cuốn hồi ký này, từ đó khái quát về tiềm lực và tâm vóc hồi ký Tô Hoài nói riêng và hồi ký văn học Việt Nam nói chung. Nguyễn Đăng Điệp với bài *Tô Hoài, người sinh ra để viết*, tác giả chú ý phương diện nghệ thuật và chất tiểu thuyết trong hồi ký của Tô Hoài với nhận định: “Cái nhìn không nghiêm trọng hóa là thể mạnh của Tô Hoài, nó khiến cho

nhà văn, dù viết thể loại nào đi chăng nữa, vẫn thổi được vào đó cái chất tiểu thuyết mà M. Bakhtin từng nói đến”... Các bài viết của Đặng Thị Hạnh, Phong Lê, Đặng Tiên, Vương Trí Nhàn, Nguyễn Văn Thọ, Xuân Sách và Trần Đức Tiến đều đánh giá cao hai tác phẩm hồi ký của Tô Hoài.

Hồi ký của Anh Thơ cũng được các nhà nghiên cứu, phê bình quan tâm. Trong cuốn *Đẹp mãi bức tranh quê*, đã quy tụ các bài viết về hồi ký Anh Thơ của các tác giả: Vũ Quần Phương, Phạm Tú Châu, Xuân Cang, Trần Cư, Nguyễn Văn Long, Nguyễn Ngọc Hiền, Lý Thị Trung... Những bài viết đã bước đầu tạo những cơ sở nghiên cứu hồi ký của Anh Thơ ở góc độ đặc trưng thể loại.

Hồi ký của nữ sĩ Mộng Tuyết - *Núi Mộng gương Hồ* cũng gây được sự chú ý của các nhà phê bình, nghiên cứu.

Về cuốn hồi ký *Năm tháng nhọc nhằn năm tháng nhớ thương* của Ma Văn Kháng có các bài viết của Hồ Anh Thái, Nguyễn Ngọc Thiện, Bùi Bình Thi, Đinh Hương Bốn, Thi Thi, và công trình nghiên cứu của Nguyễn Thị Nguyên, Lê Thị Kim Liên. Các tác giả đã ban đầu đưa ra nhận định về những giá trị đặc sắc của hồi ký Ma Văn Kháng trên phương diện nội dung và nghệ thuật.

Về cuốn hồi ký *Nhớ lại một thời* của Tố Hữu, tác giả Mai Hương đã nhận ra nét riêng trong lối viết của Tố Hữu là luôn đặt song hành cùng nhau giữa hành trình cách mạng với hành trình thơ. Trần Đình Sử đã đánh giá cuốn hồi ký của Tố Hữu: “cuốn hồi ký đã củng cố thêm quan niệm của chúng tôi: thơ Tố Hữu là thơ trữ tình chính trị và nhiều đặc điểm của thơ ông phải đặt trong yêu cầu của công tác tư tưởng thì mới lý giải được thấu đáo” [111, 355].

Những tác phẩm hồi ký văn học của Nguyễn Vũ, Lưu Trọng Lư, Huy Cận, Đào Xuân Quý, Nguyễn Ngọc Tấn, Hoàng Minh Châu, Phan Tứ, ... cũng được các nhà nghiên cứu, phê bình quan tâm và đưa ra những đánh giá, nhận định có giá trị.

## **1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu và hướng triển khai đề tài**

### ***1.2.1. Về tình hình nghiên cứu***

Chưa có công trình bao quát chung về diện mạo thể hồi ký. Sự phân tích, lý giải điều kiện, quy luật phát triển, các khuynh hướng

cũng như đặc điểm hồi ký ở mỗi giai đoạn còn riêng lẻ. Ngay các công trình lý luận, các giáo trình cũng chỉ dành vài trang cho hồi ký. Những nghiên cứu về tác giả, tác phẩm hồi ký chưa có tính hệ thống và toàn diện.

### ***1.2.2. Hướng triển khai đề tài***

Khảo sát và phân loại các tác phẩm hồi ký để tái dựng diện mạo và chỉ ra sự vận động, phát triển của bộ phận hồi ký, cụ thể là hồi ký văn học Việt Nam từ 1975 đến 2010; đồng thời đặt tác phẩm hồi ký trong chính thể để khảo sát, đối sánh làm rõ thêm chân dung các nhà văn, hiện tượng văn học, chính trị, văn hóa giáo dục... trong đời sống xã hội Việt Nam. Qua đó, hệ thống, đánh giá những đặc trưng nghệ thuật của thể hồi ký văn học nhằm xác lập vai trò, vị trí và giá trị của thể loại này trong đời sống văn học dân tộc.

#### **Tiểu kết**

Ở Việt Nam, hồi ký ra đời muộn hơn so với các thể loại văn học khác nhưng sự hình thành và phát triển của hồi ký đã tạo nên một diện mạo mới cho đời sống văn học nước nhà. Các nhà nghiên cứu văn học đã có sự chú ý và đưa ra những đánh giá về vị trí của từng tác giả, tác phẩm hồi ký; đã cung cấp những cơ sở lý luận căn bản cho việc nghiên cứu về đặc trưng thể hồi ký. Tuy nhiên, các công trình còn mang tính đơn lẻ, rời rạc, chưa có tính hệ thống.

## Chương 2

### DIỆN MẠO HỒI KÝ TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

#### 2.1. Về khái niệm và quan niệm thể loại

##### 2.1.1. Giới thuyết khái niệm và quan niệm thể loại

###### *Hồi ký*

Trong các loại từ điển, khái niệm hồi ký được hiểu thống nhất. Theo *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê): “Hồi ký là thể văn ghi lại những điều còn nhớ sau khi đã trải qua, đã chứng kiến sự việc”. Nguyễn Văn Đạm trong *Từ điển tường giải và liên tường tiếng Việt*, đưa ra cách hiểu: “Hồi ký là thể văn thuật lại theo thứ tự thời gian những sự việc mà tác giả đã trải qua hoặc chứng kiến một phần nào trong những mối quan hệ thời đại”. Theo *Từ điển thuật ngữ văn học*: “Hồi ký là một thể loại thuộc loại hình ký, kể lại những biến cố xảy ra trong quá khứ mà tác giả là người tham dự hoặc chứng kiến. Như vậy, các cách lý giải trên về cơ bản đều dựa theo hình thức chiết tự từ Hán Việt: *hồi* là quay trở lại, *ký* là ghi chép những điều chứng kiến.

###### *Các thuật ngữ tương đồng và quan niệm thể loại*

Về quan điểm thể loại, nhiều quan niệm cho rằng *hồi ký là một tiểu loại của ký*, là thể tài văn học. Quan niệm này thống nhất trong hầu hết các công trình lý luận văn học (Lại Nguyên Ân trong *150 thuật ngữ văn học*; công trình *Lý luận văn học* (Trần Đình Sử chủ biên); *Lý luận văn học* (Hà Minh Đức chủ biên) xác định: “Hồi ký ghi lại những diễn biến của câu chuyện và nhân vật theo bước đi của thời gian qua hồi tưởng”. Một số nhà nghiên cứu trên cơ sở so sánh loại hình, đã chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt của hồi ký với những tiểu loại khác của ký.

*Hồi ký và nhật ký*, có nhóm tác giả *Từ điển thuật ngữ văn học*; nhóm tác giả trong *Từ điển Văn học* (bộ mới); Lại Nguyên Ân trong *150 thuật ngữ văn học*.

*Hồi ký và tự truyện*, trong *Từ điển Văn học* (bộ mới), Đỗ Đức Hiểu phân biệt: “Hồi ký có thể chỉ ghi lại những sự kiện về một thời kỳ lịch sử, mà tác giả không phải là nhân vật chính; còn tự truyện kể chuyện của cái “tôi” tác giả. Tự truyện không phải một tập hợp những kỷ niệm tản mạn, mà được bố trí như một truyện, một tiểu thuyết”.

*Hồi ký và các dạng thức tự thuật*: Tiểu thuyết tự thuật, văn xuôi lịch sử, tiểu thuyết khoa học đều viết về sự thật nhưng ở đây là cái giống, có khi là “phiên bản” của sự thật, tác giả là người không

chịu trách nhiệm về điều đó. Còn hồi ký, nếu có hư cấu thì đó cũng chỉ là cách để chuyển tải sinh động cái sự thật.

### **2.1.2. Đặc trưng hồi ký**

*Từ điển thuật ngữ văn học* (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi đồng chủ biên), *Lý luận văn học* (Hà Minh Đức), *Lý luận văn học* (Phương Lưu) đều thống nhất:

Một trong những đặc trưng cơ bản nhất của thể hồi ký là tính xác thực của đối tượng miêu tả và tính trung thực của người hồi tưởng; Hồi ký mang tính chủ quan của người kể chuyện quá khứ; Xét ở phương diện nghệ thuật, một trong những đặc trưng nổi bật nhất của thể hồi ký là cách kể chuyện theo dòng hồi tưởng, nhớ đến đâu kể đến đó và thường không sử dụng thủ pháp cốt truyện. Tác giả có thể hồi tưởng lại quá khứ theo trật tự thời gian tuyến tính. Tuy nhiên trong tác phẩm hồi ký, dòng hồi ức cũng có thể bị đảo lộn không theo một quy luật khách quan mà chịu sự tác động của ý thức-tác giả. Có nghĩa là sự phản ánh hiện thực trong hồi ký được tuân theo quy luật riêng của dòng hồi tưởng.

### **2.1.3. Cách phân loại hồi ký**

Dựa vào khái niệm có thể chia hồi ký thành hai dạng. Một là, dạng theo “khung” truyền thống, đó là đảm bảo “tái hiện quá khứ người thật việc thật”, người kể chuyện xưng “tôi”, là người trong cuộc hoặc chứng kiến. Hai là, dạng hồi ký được định danh bằng thể loại khác do ý đồ của tác giả vì những lý do ngoài sáng tạo hoặc kiểu hồi ký ẩn trong một thể loại khác (mang dáng dấp của thể loại khác, pha trộn với thể loại khác). Đây là dạng thức nói rộng đường biên so với “khung” thể loại truyền thống.

Dựa vào đề tài/chủ đề, tác phẩm hồi ký có thể thuộc hồi ký lịch sử, hồi ký đời tư, hồi ký chân dung.

Theo cảm hứng chủ đạo, hồi ký phát triển theo ba khuynh hướng chính: khuynh hướng thể hiện cảm hứng tôn vinh, ngợi ca; khuynh hướng nhận thức lại và khuynh hướng tự trào.

Căn cứ vào bản chất của thể loại, hồi ký có thể chia thành hai xu hướng. Thứ nhất là hồi ký hướng nội, chủ yếu là tái hiện hiện thực dựa vào sự trải nghiệm, chiêm nghiệm của bản thân người viết. Xu hướng thứ hai là hồi ký hướng ngoại.

Căn cứ vào sự đan xen thể loại, hồi ký có rất nhiều dạng thức: hồi ký – tự truyện, hồi ký mang dáng dấp tiểu thuyết tự thuật.

## 2.2. Những chặng đường phát triển của hồi ký trong văn học Việt Nam hiện đại

### 2.2.1. Giai đoạn trước 1975 – Những khởi động có tính dự báo

Trong giai đoạn đầu của sự chuyển đổi phạm trù văn học, đời sống thể loại chưa ổn định. Bên cạnh những thể tài truyền thống, dạng ghi chép, tự thuật bắt đầu phát triển. Xuất hiện những tác phẩm có tính “ghi chép”, hoặc đan xen giữa hồi ký, bút ký, du ký như: *Chuyến đi Bắc kỳ năm Ất Hợi* (Trương Vĩnh Ký), *Hạn mạn du ký* (Nguyễn Bá Trác), *Mười ngày ở Huế, Một tháng ở Nam kỳ* (Phạm Quỳnh),... Tiếp sau đó là sự xuất hiện của những tác phẩm có tính tự thuật, những hồi ký-tự truyện như: *Phan Bội Châu niên biểu* (Phan Bội Châu), *Giác mộng lớn* (Tân Đà),... Tuy nhiên, giai đoạn này chưa có hồi ký nguyên dạng (tức có những tác phẩm đáp ứng đầy đủ yêu cầu của “khung” lý luận về hồi ký).

Từ năm 1930 đến năm 1945, trong hệ hình hiện đại, đời sống thể loại có nhiều thay đổi. Các thể loại hiện đại từng bước định hình, phát triển; đường biên thể loại, khung đặc trưng thể loại vẫn chưa được xác định rõ, từ đó dẫn đến sự không thống nhất trong cách định danh thể loại. Điều này cũng xảy ra với các sáng tác vẫn được định danh là tùy bút của Nguyễn Tuân tuy gọi là tùy bút, “nhưng thật ra có sự đan xen tự truyện, du ký, tạp văn v.v...”. *Những ngày thơ ấu* (Nguyễn Hồng), *Cỏ dại* (Tô Hoài) đều là hồi ức về quãng đời thơ trẻ của hai nhà văn lớn thuộc khuynh hướng hiện thực. Tuy vậy sự phân định thể loại ở hai tác phẩm này vẫn còn gây tranh cãi (là hồi ký, tự truyện, hay hồi ký-tự truyện). Nói rộng đường biên thể loại, *Những ngày thơ ấu*, *Cỏ dại* là những tác phẩm hồi ký, góp phần khẳng định sự phát triển của hồi ký giai đoạn nửa đầu thế kỉ XX. Đặc biệt là sự xuất hiện một số hồi ký của các nhà hoạt động cách mạng, làm phong phú thêm diện mạo hồi ký.

Từ 1945 đến 1975, diện mạo hồi ký đầy đặn hơn nhưng mới chỉ đạt thành tựu bước đầu. Đội ngũ sáng tác giai đoạn này về cơ bản là những nhà văn thuộc thế hệ tiên chiến. Nội dung của hồi ký của thế hệ nhà văn này đều viết về những đời văn-đời người, khắc họa chân dung văn nghệ sĩ cùng thời qua hồi ức, hoặc ghi chép, luận bàn về đời sống văn chương, báo chí (Vũ Bằng, Nguyễn Vỹ, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng, Vũ Hoàng Chương).

Đáng chú ý là sự xuất hiện những tác phẩm hồi ký của các tướng lĩnh, các nhà hoạt động cách mạng. Tiêu biểu như: *Hai lần*

*vượt ngục* (Trần Đăng Ninh); *Những năm tháng không thể nào quên* là tập hồi ức của Đại tướng Võ Nguyên Giáp do Hữu Mai thể hiện; *Nhân dân ta rất anh hùng* của Hoàng Quốc Việt (nhà báo Thép Mới ghi); *Không còn con đường nào khác* (Nguyễn Thị Định)...

### **2.2.2. Giai đoạn từ 1975 đến 2010 – Những mùa vàng hồi ký**

Sau 1975, hồi ký phát triển mạnh mẽ, trở thành thể loại độc lập, có đời sống riêng, diện mạo riêng với sự tập hợp nhiều thế hệ. Đóng góp lớn cho thành tựu hồi ký giai đoạn này là thế hệ các nhà văn tiền chiến, thuộc các khuynh hướng. Tham dự với vai trò chủ đạo trong nhiều chặng đường văn học, có nhu cầu viết hồi ký trở nên bức thiết đối với thế hệ này.

Trong thành tựu chung của hồi ký sau 1975, số lượng tác giả trong phong trào Thơ mới tham gia khá nhiều. Những tác phẩm hồi ký ra đời ghi lại cả một khoảng trời về tuổi thơ, về quê hương, gia đình, về những sự kiện lịch sử in đậm trong hồi ức của: Lưu Trọng Lư, Nguyễn Xuân Sanh, Huy Cận, Quách Tấn. Đặc biệt các nhà thơ nữ cũng làm mới diện mạo hồi ký bằng những tác phẩm đậm tính nữ như *Mộng Tuyết*, *Anh Thơ*...

Trong số các nhà văn tiền chiến có hành trình sáng tác qua nhiều giai đoạn văn học, Nguyễn Hồng là nhà văn viết hồi ký thành công; sau 1975, Nguyễn Hồng gây ấn tượng bởi tập hồi ký *Những nhân vật ấy đã sống với tôi* với phong cách hồi ký độc đáo. Trong số các nhà văn viết hồi ký, có thể khẳng định, Tô Hoài là nhà văn khơi nguồn cho mùa vàng hồi ký sau 1975. Với *Cát bụi chân ai* và *Chiều chiều*, nhà văn đã chứng tỏ bản lĩnh, cá tính, sự trải đời, tinh đời, sắc sảo. Là nhà thơ cách mạng, chặng đường thơ của Tố Hữu trùng khớp với những chặng đường lịch sử. Những sự kiện lớn nhỏ của đời, của đất nước đều in dấu ấn trong tập hồi ký *Nhớ lại một thời*.

Thế hệ các nhà văn trưởng thành sau 1945 cũng thành công ở hồi ký: Đào Xuân Quý (*Nhớ lại*); Hoàng Minh Châu (*Mất để mà còn*); Ma Văn Kháng (*Năm tháng nhọc nhằn năm tháng nhớ thương*); Bùi Ngọc Tấn (*Một thời để mất*); Phan Tứ (*Trong mưa núi*)...

Hồi ký của nhóm các nhà nghiên cứu phê bình cũng khá đa dạng (Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Hiến Lê, Đặng Anh Đào...).

Viết hồi ký cũng là nhu cầu của nhiều người hoạt động ở những lĩnh vực ngoài văn học. Các tác giả hoạt động trong lĩnh vực chính trị cũng góp phần tăng thêm số lượng hồi ký sau 1975. Tiêu

biểu là Võ Nguyên Giáp, Trần Tiến Cung, Lê Hải Lý, Hoàng Văn Thái, Phùng Thế Tài, Đặng Vũ Hiệp, Trần Văn Giàu, Nguyễn Thị Bình... Hồi ký cách mạng thời kỳ này góp phần làm nên những dấu mốc trong diện mạo phát triển của thể hồi ký. Các tác giả trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, âm nhạc, báo chí viết hồi ký tập trung vào những thăng trầm của nghề nghiệp, những ân khuất của cuộc sống đời tư cũng như kinh nghiệm để đưa họ đến với thành công trong nghề nghiệp. Có thể nhắc đến Trần Văn Khê, Trung Sơn, Đặng Nhật Minh, Nguyễn Văn Thương. Và một số hồi ký xuất hiện trên Internet của Tô Hải, Cao Xuân Huy, Phạm Duy,...

Từ diện mạo khái quát trên cho thấy sự vận động và phát triển của hồi ký hiện đại, trong đó thành tựu đáng kể là hồi ký văn học sau 1975.

*Về phương diện nội dung*, hồi ký văn học cung cấp những lượng thông tin phong phú về những trang sử buồn vui của dân tộc; những hoạt động nghề nghiệp, kể cả chuyện bếp núc, sinh hoạt riêng tư của văn nghệ sĩ. Cái nhìn đa chiều về bản thân, về tha nhân còn cho thấy sự chuyển đổi trong quan niệm về con người của các tác giả hồi ký văn học sau 1975.

*Về phương diện thể loại*, thành tựu của hồi ký văn học hiện đại cho thấy sự đồng đẳng giữa các thể loại, xóa bỏ quan niệm văn học hay cận văn học, thể loại lớn hay thể loại nhỏ. Hồi ký văn học cho thấy sự dung hợp thể loại, một đặc thù không dành riêng cho thể loại nào. Hồi ký văn học sau 1975 cũng “nuốt” vào bản thân những tiểu loại của ký như nhật ký, du ký qua những trang văn ghi chép hằng ngày về những chuyến đi. Sự đan xen giữa các thể loại ngày càng phổ biến, đặc biệt giai đoạn đầu thế kỷ XXI, khiến việc định danh thể loại càng khó khăn.

*Về tính thẩm mỹ*, giá trị nghệ thuật, hồi ký sau 1975 có nhiều đổi mới. Tác phẩm hồi ký là những áng văn hoàn chỉnh, với những kỹ thuật hiện đại- từ cách tổ chức văn bản, phương thức tự sự đến tính đa thanh, đa giọng điệu.

### **Tiểu kết**

Trong sự nghiệp sáng tác của mỗi nhà văn, tuy hồi ký chiếm một tỉ lệ rất khiêm tốn nhưng là vị trí không thể thay thế trong. Mỗi tác phẩm hồi ký là một phong cách, một giọng điệu độc đáo và có những nét đặc sắc riêng, để lại dấu ấn trong lòng người đọc. Sự đóng góp của nhiều thế hệ nhà văn đã làm nên diện mạo đa dạng và sự phát triển nội tại của bản thân hồi ký như một thể loại độc lập.

### Chương 3

## CẢM QUAN VỀ HIỆN THỰC VÀ CÁC DẠNG CHÂN DUNG NHÂN VẬT CỦA HỒI KÝ VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN 2010

### 3.1. Cảm quan về hiện thực

#### 3.1.1. *Hiện thực đời sống xã hội qua những biến thiên lịch sử*

Hồi ký văn học Việt Nam, bên cạnh việc phản ánh bức tranh muôn màu của cuộc sống thì hiện thực đất nước, dân tộc qua chiều dài thế kỷ, đặc biệt qua hai cuộc chiến tranh cứu quốc vĩ đại được tái hiện rõ nét.

*Những nét chấm phá về hiện thực đời sống trước Cách mạng tháng Tám.* Đối với thế hệ nhà văn tiền chiến, đã từng sống và sáng tác trong những năm tháng trước cách mạng, ký ức về những tháng ngày gian khổ vẫn ám ảnh. Dầu thuộc khuynh hướng lãng mạn (Anh Thơ, Huy Cận), hiện thực (Tô Hoài) hay trữ tình chính trị (Tố Hữu)... thì trong hồi ký của thế hệ nhà văn này đều in đậm hiện thực một thời. Từ điểm nhìn hiện tại, lùi về một thời kì lịch sử đã xa, các nhà văn viết hồi ký gặp gỡ nhau ở điểm chung là thiên về tái hiện những tháng ngày gian khổ của nhân dân trước Cách mạng. Từ những thông tin cụ thể, những trang hồi ký không dừng lại ở những con số thống kê, những sự kiện khô khan mà là những “thông tin về sự thực của các giá trị nhân sinh”, là những trang đời, trang văn giàu tính thẩm mỹ và đậm giá trị nhân bản.

*Những mảng màu đa dạng về hiện thực đời sống sau Cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống Pháp.* Trong hồi ký hiện thực đời sống xã hội, những bước ngoặt lịch sử không diễn ra theo thứ tự thời gian biên niên. Qua con đường ký ức, những sự kiện dẫu chấp vá, lắp ghép theo quy luật trí nhớ vẫn đủ độ xác thực. Cách mạng tháng Tám bùng nổ. Cả nước trong không khí hào hứng, phấn khởi trước vận hội mới, dân tộc được giải phóng. Niềm vui trước vận hội mới trở thành miền nhớ trong nhiều hồi ký và được tái hiện sinh động. Qua cái tôi hồi ức, qua chỗ đứng, vị trí của nhà văn trong đời sống kháng chiến toàn dân, bức tranh kháng chiến hiện ra với những mảng riêng.

*Hiện thực đa chiều về cuộc sống mới ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ.* Sau 1954, niềm vui hòa bình không trọn vẹn. Bắc

Nam chia cắt. Miền Bắc đi vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cuộc đấu tranh thống nhất đất nước, kháng chiến chống Mỹ. Đây là những vấn đề lớn của đất nước gợi cảm hứng nghệ thuật và trở thành đề tài chính cho các thể loại văn học giai đoạn này. Các tác giả hồi ký cũng đề cập những vấn đề trọng đại của đất nước qua độ khúc xạ của thời gian và cảm xúc.

*Hiện thực ngồn ngang bề bộn thời hậu chiến và đổi mới.* Hiện thực đời sống những năm sau chiến tranh khơi gợi cảm hứng sáng tạo của nhà văn. Trong hồi ký, “cái hôm nay” không xuất hiện đồng thời trên những trang văn, khác với “hiện tại chưa hoàn kết của tiểu thuyết”, thời gian trong hồi ký là thời gian quá khứ, nhưng dẫu qua độ lùi thời gian, độ lắng sâu của cảm xúc, hiện thực ngồn ngang đó vẫn tươi ròn sự sống. Dấu ấn những sự kiện chính diễn ra trên toàn đất nước, độ giao thoa giữa cũ và mới trong đời sống xã hội, những đột biến lớn lao trong đời sống tinh thần của từng cá nhân; sự lựa chọn của người trí thức trước sự chuyển đổi lịch sử... Tất cả những vấn đề lớn của cuộc sống sau chiến tranh và đổi mới đều được thể hiện trong hồi ký.

### **3.1.2. Hiện thực đời người qua những bước thăng trầm**

Đáp ứng nhu cầu đổi mới của văn học, cũng như bao thể loại văn học khác, từ sau 1975 các nhà văn viết hồi ký hướng ngòi bút vào cảm hứng thể sự đời tư. Cũng chính cảm hứng này đã tạo sức mạnh trong việc bộc lộ cảm quan về số phận cá nhân của thể hồi ký.

*Điểm chung của phần lớn các hồi ký là đều đề cập số phận con người trong những thời đoạn khốc liệt nhất của lịch sử.* Bằng vài nét phác họa nhưng đầy ấn tượng, Tô Hoài dừng lại lâu hơn ở số phận của những người nông dân trong những cơn biến thiên lịch sử. Ma Văn Kháng đặc biệt quan tâm đến số phận của người trí thức. *Năm tháng nhọc nhằn năm tháng nhớ thương* là những trang tự bạch, trong đó nhà văn cúi xuống lòng mình để nói lên những số phận trí thức trong một xã hội “bề bộn, ngồn ngang. Phan Tứ quan tâm đến số phận của những người dân miền cao trong những năm tháng chiến tranh.

*Nhiều hồi ký đặt trọng tâm ở sự trăn trở “nhận đường”, “lên đường” của văn nghệ sĩ.* Với tư cách là người trong cuộc viết lại đời mình, những sự kiện các tác giả hồi ký văn học từ 1975 đến 2010 quan tâm nhất là sự trăn trở, “nhận đường”, “lên đường” của các văn

nghệ sĩ, đặc biệt là thế hệ nhà văn từng sáng tác trước 1945. Những trăn trở này đã trở thành cảm hứng trong sáng tác, đồng thời cũng là thước đo giá trị của sự nghiệp văn học của mỗi tác giả trong dòng chảy lịch sử. Các tác giả tập trung luận giải những cơn “chuyên dạ” trong hành trình sáng tác: lấy hiện thực cuộc sống đương thời làm nguồn cảm hứng sáng tác. Nó đã trở thành tuyên ngôn nghệ thuật của một thế hệ văn nghệ sĩ đương thời, quan niệm văn nghệ và thái độ của người nghệ sĩ đối với thời cuộc.

*Hồi ký văn học từ sau 1975 đề cập nhiều về những hiện tượng văn học không thuận chiều, gắn liền với nó là những số phận “không đồng hành”.* Trong hồi ký văn học từ 1975 đến 2010 của các nhà văn đã đề cập rất nhiều về hiện tượng văn học không thuận chiều, những “vụ án” văn chương, dẫn đến những số phận lạc thời. Một trong những “vụ án” văn chương gây chấn động bao thế hệ là Nhân văn-Giai phẩm. Những tác giả viết hồi ký ít nhiều đều là người trong cuộc, muốn hay không muốn, dư chấn Nhân văn- Giai phẩm vẫn còn ám ảnh (*Mất để mà còn, Nhớ lại, Một thời để mất, Chiều chiều...*).

Từ đặc trưng thể loại-hồi ký mang tính chủ quan, hiện thực trong hồi ký văn học do tác giả là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến, nhớ lại, cho nên những sự kiện dù có tính phổ quát vẫn đậm màu sắc cá nhân. Hiện thực trong hồi ký văn học đều gắn liền với một không gian, sự kiện, con người... rất cụ thể. Hiện thực nhớ lại, tái dựng trong hồi ký là hiện thực khúc xạ qua cảm xúc tâm trạng, đúc kết những trải nghiệm của người viết hơn là tạo lập một văn bản có tính hư cấu, hoặc đơn thuần ghi chép những sự kiện. Cảm quan về hiện thực trong hồi ký văn học vừa có tính chân xác theo lối điếm, vừa có bề sâu, mang đậm nhân cách văn hóa của người cầm bút.

## **3.2. Các dạng chân dung nhân vật**

### **3.2.1. Chân dung tự họa – Chủ thể hồi ký văn học**

Những cuốn hồi ký “là nơi tự thú mà tác giả không có ý giấu mình dưới bóng dáng của nhân vật hư cấu”. Viết về đời mình, chân dung tự họa của nhà văn được đặt trong nhiều mối quan hệ đa chiều.

Đa phần những nhà văn viết hồi ký đều hồi ức về tuổi thơ và các mối quan hệ gia đình. Theo Freud, tuổi ấu thời đã ảnh hưởng, để lại dấu ấn trong suốt hành trình sáng tạo của người nghệ sĩ. Qua những trang hồi ký, từ trường nhìn liên văn bản, người đọc hiểu

thêm chân dung tính cách mỗi nhà văn (Tố Hữu, Tô Hoài, Anh Thơ, Huy Cận...).

Điểm nhấn của các hồi ký văn học là các nhà văn đều viết về hoạt động nghề nghiệp của chính mình. Chân dung tự họa của chủ thể hồi ký trong mối quan hệ với nghề nghiệp thể hiện được những phẩm chất cao đẹp của người nghệ sĩ. Cái tôi hồi ức trong hồi ký thường là cái tôi tự ý thức, tỉnh táo nhìn lại sáng tác cũng như con người mình (Tô Hoài, Lưu Trọng Lư, Quách Tấn, Đào Xuân Quý, Ma Văn Kháng...).

### **3.2.2. Chân dung được họa – Nhân vật trong hồi ký văn học**

Nhân vật trong hồi ký văn học đa dạng, đầy đủ mọi hạng người, có nhiều mối quan hệ đậm nhạt với chủ thể viết hồi ký. Tuy vậy, trong hầu hết các hồi ký văn học, ấn tượng đậm nhất chính là chân dung các văn nghệ sĩ, trong nhiều mối quan hệ và có cả cái tốt lẫn cái xấu, của cá nhân và tập thể, cộng đồng.

Điểm gặp gỡ của các tác giả viết hồi ký là đều kể về những nhà văn có cá tính, có sự nghiệp văn chương đồ sộ và cuộc đời lắm nỗi thăng trầm. Huy Cận khắc họa chân dung nhà thơ Xuân Diệu (*Hồi ký Song Đồi*). Tô Hoài dựng chân dung Nguyễn Tuân đậm nét bên cạnh những nhà thơ/nhà văn khác như Nguyễn Hồng, Xuân Diệu (*Cát bụi chân ai*). Anh Thơ dựng chân dung Nguyễn Bính bên cạnh nhiều văn nghệ sĩ cùng thời (*Hồi ký Anh Thơ*).... Trong nhiều trang hồi ký, không nổi lên như một nhân vật trung tâm, qua những hồi đoạn đứt nối, lấp ghép, với những mảng màu tươi sáng hoặc xám tối, lần lượt chân dung các nhà văn hiện ra toàn vẹn.

#### **Tiểu kết**

Hiện thực đời sống và các dạng chân dung nhân vật - chân dung tự họa của người viết hồi ký; cũng như các nhà văn, nhà thơ lớn được khắc họa từ điểm nhìn của người viết hồi ký thật sinh động, chân thật đến bất ngờ. Những góc khuất, những sinh hoạt bấp bực văn chương đều được lột tả - đây chính là điều mà các thể loại khác khó làm được, kể cả thể tài chân dung văn học rất phổ biến những năm đầu thế kỉ XXI. Những trang hồi ký đã cho người đọc có cơ hội được kiểm chứng lại hiện thực, lịch sử đất nước mà trong đó những con người một thời đã sống, đã viết...

## Chương 4

### NGHỆ THUẬT TRẦN THUẬT CỦA HỘI KÝ VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN 2010

#### 4.1. Trần thuật từ ngôi tác giả và tổ chức điểm nhìn

##### 4.1.1. Sự chuyển hóa hình tượng tác giả vào người kể chuyện

Ở hồi ký, tác giả vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là người kể chuyện. Hình tượng tác giả đồng nhất với con người tác giả, với chủ thể sáng tạo, thể hiện trực tiếp trong văn bản nghệ thuật.

Theo quy ước của thể loại, trần thuật từ ngôi tác giả, đa phần các hồi ký đều kể chuyện từ ngôi thứ nhất- một cái tôi thông suốt, kể về mình, kể về những người có mối quan hệ với mình, kể về những hiện tượng gây ấn tượng sâu đậm trong hồi ức. Hồi ký có sự đồng nhất giữa cái tôi hư cấu và cái tôi của tác giả. Hồi ký của Huy Cận có sự trùng khít giữa tác giả- chủ thể trần thuật- người kể chuyện. Hồi ký của Phan Tứ, người kể chuyện- chủ thể hồi ức- tôi giữ quyền kể chuyện từ đầu đến cuối. Còn hồi ký của Lưu Trọng Lư được triển khai trên điểm nhìn người kể chuyện xưng tôi.

##### 4.1.2. Sự luân chuyển điểm nhìn

Trong nhiều văn bản hồi ký, những sự kiện trong quá khứ, chân dung tự họa, chân dung được họa tái dựng từ điểm nhìn của điểm nhìn chủ quan nhà văn- người viết hồi ký. Tuy vậy, để tạo tính khách quan cho câu chuyện quá khứ, vả lại tôi không phải là đáng toàn năng, trong mạch trần thuật, các tác giả luôn chuyển điểm nhìn; hoặc trao quyền cho nhân vật khác kể chuyện; hoặc mờ hóa điểm nhìn chủ quan. Điều này thấy ở hồi ký của Huy Cận, Phan Tứ, Tô Hoài,...

Sự luân chuyển điểm nhìn trần thuật khiến câu chuyện quá khứ không đơn điệu, hiện thực đời sống, chân dung nhân vật trở nên sinh động. Trong *Hồi Ký Song Đôi*, Huy Cận trượt điểm nhìn thời gian, đưa câu chuyện kể về thời điểm hiện tại. Cuốn hồi ký chủ yếu kể về tình bạn giữa Huy Cận và Xuân Diệu, vì vậy những đoạn hồi ức về nhà thơ, người kể chuyện chuyển điểm nhìn, để Xuân Diệu tự kể về mình. Từ cách thức đó, người kể chuyện số 1 trao quyền kể chủ thể hồi ức thứ 2, xưng tôi, kể về mình. Liên tục đổi vai người kể chuyện, chuyển đổi điểm nhìn, những trang hồi ký không đơn thuần tái hiện

quá khứ lép, một chiều mà sinh động, đa dạng. Các sự kiện, con người trong hồi ký vừa được nhìn đa chiều, đa góc độ nhưng vừa đảm bảo tính khách quan thông qua điểm nhìn hiện tại của người kể.

## **4.2. Đa dạng hóa kết cấu trần thuật**

### **4.2.1. Kết cấu tuyến tính**

Nhìn bề mặt văn bản đa phần hồi ký văn học từ 1975 đến 2010 vẫn sắp xếp các sự kiện theo trật tự thời gian tuyến tính kiểu truyền thống. Tuy vậy, trong hồi ký, mạch trần thuật, cấu trúc văn bản chịu sự chi phối bởi cơ chế hồi ức, vì vậy dòng hồi tưởng có lúc phá vỡ thứ tự thời gian. Cũng có những trường hợp cấu trúc văn bản đảo ngược, tuân thủ theo logic hồi ức, trí nhớ của người kể chuyện.

Cũng tái dựng lại quá khứ xuôi theo chiều như mạch thời gian chảy trôi tuyến tính nhưng hồi ký của Anh Thơ, Hoàng Minh Châu mở đầu là điểm đầu mút của quá khứ, kết thúc là hiện tại với bao phồn tạp, đa đoan của cuộc đời. Hồi ký của Tô Hoài mở đầu và kết thúc theo kiểu tương ứng, vòng tròn. Dạng kết cấu này tỏ ra hữu dụng để nhà văn vừa xoay quanh nhân vật trung tâm, vừa dung chứa trong cái vòng tròn ấy bao thời đoạn, cảnh đời, số phận con người.

### **4.2.2. Kết cấu lắp ghép**

Với cách tổ chức trần thuật này, nhiều mảnh ghép sự kiện, mảnh đoạn đời người đan xen không theo logic, tưởng như mạch kể có vẻ lan man, rời rạc, tùy tiện nhưng thực chất người kể chuyện rất chủ động xâu chuỗi nối kết các yếu tố trong câu chuyện tạo thành mạch liên kết văn bản.

Trên bề mặt văn bản, các chương đoạn như bị cắt rời, mạch kể nhớ đâu kể đó, đậm nhạt khác nhau nhưng trong mạch ngầm văn bản vẫn có độ kết dính. Việc lắp ghép sự kiện gần xa, quá khứ hiện tại khiến câu chuyện quá khứ dung chứa nhiều mẫu chuyện, nhiều mảnh đời, nhiều thăng trầm lịch sử. Kết cấu này đã tạo được sự linh hoạt trong di chuyển không gian, sự kiện và điểm nhìn làm cho mạch kể trở nên linh hoạt, hấp dẫn.

### **4.2.3. Kết cấu liên văn bản**

Sự dung hợp thể loại, độ nhòe mờ giữa đường biên thể loại; những yếu tố ngoài cốt truyện lồng vào truyện kể tạo nên hình thức liên văn bản hay văn bản trong văn bản hồi ký. Chính hình thức này

làm cho lối trần thuật sinh động, hấp dẫn, vừa là khả năng để người viết chuyển tải những thông tin theo dòng hồi ức.

Hình thức liên văn bản trong hồi ký sau 1975 khá đa dạng. Những yếu tố ngoài văn bản như lời mở đầu, lời bạt, chú thích, thông báo... như một thủ pháp trần thuật để tái hiện dòng hồi ức, đồng thời tạo cảm giác về độ chân xác của câu chuyện kể.

Trong cấu trúc văn bản, các tác giả hồi ký đã trích đoạn các dạng thức văn bản khác như nhật ký, thư từ, những bài thơ, hoặc tiểu luận. Một số hồi ký đan lồng vào dòng hồi ức bằng những bức ảnh, thủ bút của chính mình hay của những người có uy tín liên quan đến câu chuyện kể. Thư trong hồi ký cũng là hình thức phổ biến. Về nghệ thuật trần thuật, hình thức bức thư là một cách di chuyển điểm nhìn, khiến cho câu chuyện kể đỡ đơn điệu, điểm nhìn của người kể cũng như nhân vật được khắc họa trở nên đa chiều và hấp dẫn. Một thể loại chiếm ưu thế trong những trang hồi ký là nhật ký. Đưa nhật ký vào hồi ký khiến những trang hồi ức trở nên tươi mới, độ xác thực của sự kiện càng cao, những vấn đề gan ruột nhất, riêng tư nhất được bày ra làm cho những vấn đề một thời được lý giải ở tầng sâu nhất của nó. Thơ trong hồi ký là hình thức đặc biệt, được các nhà văn sử dụng phổ biến trong mạch tự sự làm cho hồi ký trở nên trữ tình, tạo nên chất thơ cho những trang ghi chép và mạch ngầm văn bản từ đó được mở ra gắn với những cảm hứng của người kể.

### **4.3. Sự đa dạng của ngôn ngữ trần thuật**

#### ***4.3.1. Ngôn ngữ người kể chuyện***

Với đặc thù của thể hồi ký, kể lại những biến cố xảy ra trong quá khứ mà tác giả là người tham dự hoặc chứng kiến, do vậy, ngôn ngữ kể trong hồi ký là thành phần rất quan trọng. Tuy nhiên, do nhu cầu bộc lộ cảm xúc cũng như ý thức của nhà văn trong quá trình kể cốt sao làm cho trang hồi ký của mình trở nên hấp dẫn; để từ chuyện của một người nói chuyện của nhiều người, chuyện cá nhân nhưng là chuyện xã hội, người viết phải đắp da, đắp thịt cho cái khung sự việc của mình bằng ngôn ngữ miêu tả và bộc lộ cảm xúc. Sự kết hợp này vừa tạo được trường nhìn về hiện thực cuộc sống và con người của người viết hồi ký, vừa làm tăng thêm nét sinh động và mỹ cảm cho trang hồi ký của mình.

Là thể loại người viết trực tiếp kể lại câu chuyện quá khứ, nên ngôn ngữ trong hồi ký thường đậm chất chủ thể, thể hiện phong cách, cá tính của tác giả. Khi ý thức về cá nhân phát triển thì nhà văn càng cố gắng tạo dựng dấu ấn ngôn ngữ riêng. Chất hài hước, suy ngẫm hay nên thơ trữ tình, sự trau chuốt bóng bẩy hay chất mộc mạc, cái khôn ngoan minh mẫn hay đáo đả của người viết đều bộc lộ sắc nét qua lời bình trong tác phẩm. Chất trữ tình đậm nét trong ngôn ngữ của Lưu Trọng Lư, Anh Thơ. Sắc thái ngôn từ của Tô Hoài thật đa dạng, lúc thì thật trữ tình sâu lắng, thoát cái trở nên sắc cạnh, gân guốc và đôi khi lạnh lùng, tàn nhẫn trong từng từ ngữ. Đào Xuân Quý, Hoàng Minh Châu, Tố Hữu, Huy Cận lựa chọn một ngữ vựng chính xác và cú pháp linh hoạt đã tạo nên lối viết có chiều sâu. Lớp ngôn ngữ trong hồi ký Phan Tứ giản dị nhưng linh hoạt, hấp dẫn. Ngôn ngữ của Ma Văn Kháng vừa chân phương, tự nhiên trong lời kể, vừa rất tinh tế, sống động trong những hình ảnh miêu tả.

#### ***4.3.2. Ngôn ngữ nhân vật cá tính hóa, đậm chất đời thường***

Với lối trần thuật hồi ức, trong hồi ký chủ yếu là ngôn ngữ người kể chuyện, ít ngôn ngữ nhân vật. Chân dung nhân vật hiện ra chủ yếu qua lời kể, lời tả, lời bình của người kể chuyện. Tuy vậy, linh hoạt trong cách kể, nhiều hồi ký văn học sau 1975 sử dụng đối thoại như một yếu tố hình thành câu chuyện kể. Lời thoại nhân vật được cá thể hóa, góp phần lớn trong việc khắc họa chân dung người thật việc thật. Tổ chức đối thoại giữa các nhân vật, các tác giả hồi ký gặp gỡ nhau ở việc sử dụng hệ ngôn từ đậm chất sống, chất đời thường để tạo dựng một quá khứ gần gũi, chân thật, một hiện thực cuộc sống đúng như chính nó với tất cả vẻ thô mộc, xù xì. Hệ ngôn ngữ này được tạo ra bởi chất liệu ngôn từ đặc sắc: các lớp từ, hình ảnh, cách diễn đạt mang màu sắc địa phương, phong tục, khẩu văn,... Lối sử dụng ngôn từ này để tạo cái tươi nguyên cho quá khứ, gây hiệu ứng nhận thức, thẩm mỹ cao; sử dụng ngôn từ giàu thông tin, cách miêu tả, phân tích tỉ mỉ, sống động làm cho lối trần thuật mang nét sắc thái riêng của người kể ở trang hồi ký của nhà văn.

Nhiều tác giả hồi ký còn gán vào lời thoại của nhân vật những từ ngữ thô tục, hoặc sử dụng thành ngữ, quán ngữ lòng trong ngôn ngữ nhân vật nhằm bàn về nhân tình thế thái; hoặc thể hiện ý đồ tái hiện hiện thực; tô đậm tính cách của một con người, hay đánh giá về một hiện tượng trong thời cuộc đã qua một cách ẩn tượng nhất.

## 4.4. Giọng điệu trần thuật

### 4.4.1. Giọng triết lý, suy tư

Hồi ký luôn là nơi người viết thành thực với chính mình; nơi người viết muốn chia sẻ, tâm tình, bộc bạch sau cả chặng đường đời trải nghiệm với bao thăng trầm, đa đoan của kiếp người; những va đập trong cuộc đời riêng tư, những trở ngại về nghề, những số phận truân chuyên liên quan gián tiếp hoặc trực tiếp đến tác giả hồi ký. Đặc điểm đó chi phối cách tổ chức văn bản hồi ký, đặc biệt là giọng điệu. Với đặc thù của thể hồi ký- kể về quá khứ từ điểm nhìn hiện tại đa chiều, giọng điệu hồi ký sau 1975 là giọng triết lý, chiêm nghiệm.

Ngay từ các nhan đề tác phẩm hồi ký đã là những tín hiệu thẩm mỹ giàu chất triết lý về đời người (*Nửa đêm sự tĩnh, Cát bụi chân ai, Chiều chiều, Mát để mà còn..*). Xuyên suốt các tập hồi ký là những triết lý, chiêm nghiệm của người kể chuyện về những sự kiện, biến cố đã xảy ra trong cuộc đời mình; hoặc liên quan đến những người chung quanh mà mình đã chứng kiến. Ngẫm suy, chiêm nghiệm về mình, về người, về đời, giọng triết lý trong hồi ký nhiều sắc thái.

### 4.4.2. Giọng trữ tình, hoài niệm

Một trong những yếu tố làm nên tính thẩm mỹ của các thiên hồi ký sau 1975 là đa thanh, đa giọng. Trong đó, chất giọng trữ tình (đan xen với giọng chính luận của ký) là một bình diện thẩm mỹ tạo sức cuốn hút cho những câu chuyện được kể lại từ hồi ức. Giọng điệu trữ tình là dây truyền cảm giữa chủ thể viết hồi ký- người kể chuyện và đối tượng thẩm mỹ- hiện thực và con người. Hồi ức về làng quê, gia đình, những số phận con người, đời văn, những vấp vấp nghề nghiệp...qua ngôn ngữ, giọng điệu trữ tình trở nên tươi mới, gợi cảm.

Người viết hồi ký- chứng nhân của những câu chuyện quá khứ, khi kể thường bộc lộ cảm xúc. Do đặc trưng thể loại, cảm thức hoài vãng đã chi phối giọng điệu trần thuật của hồi ký, làm nên chất giọng trữ tình, hoài niệm ở nhiều tác phẩm. Giọng trữ tình là chất men say tô đậm thêm sức hấp dẫn của *Hồi ký Anh Thơ*. Giọng chủ đạo trong hồi ký của Huy Cận là giọng tâm tình sâu lắng của một nhà văn sống trong hoài niệm, nhìn về những ngày tháng đã xa bằng cái nhìn của người trong cuộc. Hồi ký của Huy Cận thuộc dạng “hồi ký trữ tình”. *Cát bụi chân ai* là thiên hồi ký đa giọng điệu, trong đó giọng trữ tình

cảm thương khá đậm nét. Hồi ức về những số phận văn chương, những chân dung nhà văn lạc thời, giọng trầm trên nhiều trang hồi ký của Tô Hoài là trữ tình sâu lắng. Giọng trữ tình còn thể hiện qua những *lời tả* xuất hiện với tần số lớn trong hồi ký Bùi Ngọc Tấn, Phan Tứ...

#### 4.4.3. Giọng dí dỏm, hài hước

Theo Pospelov, trong *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, “Thiên hướng khám phá chất hài trong đời sống và tái tạo nó trong tác phẩm, không chỉ là do những đặc điểm tài năng bẩm sinh của nhiều nhà văn mà còn do những đặc điểm thế giới quan làm cho họ tập trung chú ý vào sự không phù hợp giữa kỳ vọng và khả năng thực tế của những con người thuộc một giai tầng xã hội nhất định”. Tác giả hồi ký là những nhà văn dày tuổi đời, tuổi nghề, hành trình sáng tác nhiều thăng trầm qua những chặng đường lịch sử. Nhìn lại những “năm tháng nhọc nhằn năm tháng nhớ thương”, các nhà văn gặp gỡ nhau ở một điểm chung là chọn tiếng cười hài hước nhẹ nhàng để lý giải độ vênh lệch giữa tác phẩm của mình/của đồng nghiệp với tầm đón đợi của thời đại. Giọng dí dỏm, hài hước trở thành một giọng chủ đạo ở thể loại “ôn cố tri tân” này.

“Chất hài hước chân chính bao giờ cũng xuất phát từ sự suy tư triết lí, khái quát hóa về những thiếu sót của cuộc đời”. Giọng hài hước còn nhằm hướng vào chính mình. Từ sau 1975, với nhu cầu tự nhận thức, dạng *hồi ký tự trào* trở nên phổ biến. Dưới một hệ thẩm mỹ mới, tiếng cười- một phạm trù thẩm mỹ, được lựa chọn như một cách thức nói rõ, nói thật những vấn đề quá khứ, trong đó có chủ thể hồi ký khi dựng chân dung tự họa hoặc chân dung được họa.

#### Tiểu kết

Nghiên cứu hồi ký văn học từ 1975 đến 2010, chúng ta nhận ra sự đa dạng của giọng điệu, ngôn từ, kết cấu trần thuật. Ngôn ngữ hồi ký không còn đóng khung trong nhiệm vụ ghi chép, thuật kể mà là thứ ngôn ngữ đa thanh, nhiều âm hưởng. Người kể chuyện trong hồi ký không đơn thuần thuật chuyện từ một điểm nhìn mà luôn có sự luân phiên thay đổi điểm nhìn trần thuật. Trong hồi ký từ 1975 đến 2010 đã có mặt kỹ thuật hiện đại trong dựng cảnh, dựng người, tái hiện hiện thực đã qua. Những tác phẩm hồi ký văn học sau 1975 đến 2010 trở thành những tác phẩm nghệ thuật thực thụ.

## KẾT LUẬN

1. Hồi ký nói chung và hồi ký văn học nói riêng là thể loại ra đời, phát triển rất muộn trong đời sống thể loại văn học Việt Nam. Nhìn từ quá trình vận động nội tại của văn học, đây là sự tìm tòi thể loại có khả năng thích ứng với tâm thế nhà văn, với nhu cầu được giải bày và khuynh hướng tự vấn đang ngày càng phổ biến trong văn học nước ta. Sự phát triển của thể hồi ký cũng chứng tỏ kinh nghiệm cá nhân đang trở nên có giá trị hơn và hồi ký chính là một cách nhìn trực diện vào cái tôi của người viết. Với cá nhân mỗi nhà văn, bằng hồi ức về cuộc đời mình, tác giả viết hồi ký chẳng cần phải tìm kiếm thể giới ở đâu xa mà ở chính trên gương mặt đầy dấu ấn thời gian của mình. Viết hồi ký cũng là cách sống phẳng với quá khứ bởi dù có nhớ và quên, thật và giả, chủ quan và khách quan,... thì nhà văn cũng không thể lẫn tránh được chính mình. Có lẽ đây là lý do chủ yếu để nhà văn thời đổi mới tìm đến thể hồi ký như tìm đến một cách tiếp cận không chỉ với hiện thực bề mặt mà còn với hiện thực bên trong đầy phức tạp và bí ẩn của con người.

Cũng thấy rằng, trong sự vận động tự thân nội tại văn học, những khung thể loại tự bộc lộ sự giới hạn của nó, chính vì thế, hồi ký đã phát triển để tự nó tạo nên những đặc trưng riêng nhằm đáp ứng quan niệm về thể loại đang được nói rộng. Không phải ngẫu nhiên mà hồi ký là nơi lưu giữ những câu chuyện thật nhất, đời nhất của văn nhân, nghệ sĩ bằng những chất giễu nhại và giọng tự thú, tự vấn làm cho cái chất đời, chất người hiện lên một cách chân thật đến “cận cảnh” và không kém phần hấp dẫn, lôi cuốn. Và cũng từ sự nói rộng thể loại, nội tại văn học đã cho phép thể hồi ký viết về quá khứ - những cái quá khứ ấy luôn đặt trong trạng thái động để biên độ của thể loại hồi ký mở được tới những thể nghiệm và khám phá mới mà người viết hồi ký tiếp cận lịch sử tự do hơn, gửi gắm được nhiều hơn những ấn tượng, tâm trạng của mình từ chính sự trải nghiệm của bản thân. Như vậy hồi ký đã đáp ứng được nhu cầu về vai trò kinh nghiệm của cá nhân tham gia đánh giá lịch sử được coi trọng hơn vai trò kinh nghiệm tập thể.

2. Xuất phát từ nhu cầu đáp ứng những đòi hỏi của con người trong xã hội hiện đại luôn mong muốn được tiếp cận sự thật, nhận thức quá khứ, chiêm nghiệm cuộc sống thì tự thân hồi ký đã đảm

trách được nhiệm vụ khai thác hiện thực ở bề rộng lẫn chiều sâu. Hơn thế nữa, nhu cầu người viết hồi ký không cần phải xây dựng cốt truyện một cách công phu, nhân vật với những tình huống lôi cuốn, hấp dẫn. Tất cả chỉ cần thành thật, sòng phẳng với quá khứ bằng những ấn tượng, tâm trạng của mình cũng như những cảm nhận còn lại sau năm tháng, những suy nghiệm được chắt lọc từ chính sự từng trải của bản thân mình.

Thành tựu của hồi ký văn học từ 1975 đến 2010 đã tạo được một diện mạo phong phú và đóng một vai trò quan trọng trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Một trong những cơ sở làm nên giá trị của hồi ký giai đoạn này là bản thân nó hướng đến “cự ly gần” của sự thật, đáp ứng được xu hướng tiếp nhận văn học của công chúng. Và hồi ký đã thỏa mãn được hướng tiếp nhận từ nhiều góc độ: văn hóa, văn học, lịch sử, mỹ học...

3. Trong thực tiễn sáng tác, hồi ký văn học Việt Nam từ 1975 đến 2010 vừa phát triển trong quy luật chung của đặc trưng thể loại nhưng vẫn có những xu hướng riêng trong từng giai đoạn phát triển của mình. Mười năm đầu trước đổi mới (1975 - 1986), người viết hồi ký tái hiện quá khứ để tri ân, với cái tôi chứng nhân phát ngôn cho tinh thần cộng đồng chứ chưa phải là nơi bộc bạch tiếng nói của cái tôi cá nhân đậm tính chủ quan. Từ sau đổi mới (1986 - 2010), vẫn xoay quanh hai vấn đề cốt lõi là cái tôi cá nhân và sự thật lịch sử nhưng cái tôi nhân chứng trong các tác phẩm hồi ký trở về với cuộc sống đời thường, nơi để bộc bạch tiếng nói đậm tính chủ quan, những sự thật bị chìm lấp đòi được lên tiếng... Những giá trị thuộc về cá nhân, những sự thật về lịch sử, về con người... đã được hồi ký giai đoạn này tìm lại và chuyển tải càng làm cho đời sống vận động của mình vừa có tính kế thừa, vừa trở nên phong phú, bề thế trong một diện mạo riêng.

Hồi ký văn học từ 1975 đến 2010, trong sự vận động đã khẳng định được những bước phát triển đáng kể với những biểu hiện phong phú về nội dung, những đổi mới đáng kể về phương thức biểu đạt. Thành công đó khiến hồi ký không còn là tiếng nói cá nhân, tiếng nói của ngày hôm qua, mà chuyển tải được những vấn đề lớn có ý nghĩa khái quát cho mọi thời đại. Sự cách tân đáng ghi nhận trong nghệ thuật biểu hiện và thi pháp thể loại của hồi ký văn học giai đoạn 1975

đến 2010 là sử dụng ngôn từ cá tính hóa, đậm chất đời thường; đã tạo ra sự đa giọng điệu; với các kết cấu lỏng, bản chất thể loại khó phân định rõ ràng bởi có sự thâm nhập các thể loại khác (nhật ký, tự truyện, tiểu thuyết tự thuật,...) vừa làm tăng thêm mỹ cảm trong tiếp nhận, vừa chia sẻ “cách đọc”, khơi gợi những định hướng trong việc nhận diện, đánh giá dưới góc nhìn khách quan, khoa học và có tính khu biệt về thể hồi ký.

4. Những giá trị đạt được ở phương diện nội dung và nghệ thuật, hồi ký văn học từ 1975 đến 2010 đã khẳng định một trí quan trọng của thể loại trong nền văn học nước nhà. Song, vẫn còn một số tác giả, tác phẩm quá chú trọng đến sự liệt kê những tư liệu, nặng “ghi chép”; yếu tố thẩm mỹ, cái tôi tác giả mờ nhạt làm cho độ “nặng” của những trang hồi ký chưa thỏa mãn được nội lực thể loại và nhu cầu của người đọc. Trong một số hồi ký ngoài những thành công cũng không tránh khỏi những hạn chế, do tính chủ quan của hồi ký. Tự kể lại chuyện đời, cái tôi hồi ức trong quá trình đối diện với chính mình nhưng vẫn chưa “thành thật”, có thiên hướng “tự mê”, hoặc tinh thần “sám hối” quá cường điệu. Những “lỗi” này thuộc về cá nhân chứ không thuộc về đặc trưng của thể hồi ký. Do đó, khi tiếp nhận tác phẩm hồi ký cũng cần trang bị những hiểu biết về thể hồi ký để có tâm thế thẩm định và công tâm đón nhận sao cho thỏa mãn về một tác phẩm hồi ký trong chính thể đặc trưng thể loại này: vừa “chính chu” theo cái “khung” truyền thống vừa phóng khoáng, năng động trong hành trình phát triển của nó để làm sao mỗi tác phẩm hồi ký là một viên gạch làm nên diện mạo thể hồi ký nói riêng và đời sống văn học nước nhà nói chung trên hành trình hội nhập với văn học thế giới.